TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số 08/2022/DS - ST.
Ngày: 16 - 02 - 2022.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực;

Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST- DS, ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST - DS, ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở: Số X, L, phường T, quận B, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thúy H – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn "Giấy ủy quyền ngày 23/11/2021" (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Triệu Thị Mỹ H, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H trình bày:

Sau quá trình thỏa thuận thì Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn H thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 365055840/HĐTD ngày 28/11/2018, hạn mức tín dụng

70.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn hạn mức tín dụng 12 tháng. Mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh đời sống. Tài sản đảm bảo: Khi vay không có tài sản đảm bảo theo Nghị định 55/2015/NĐ- CP ngày 09/6/2015 của Chính Phủ. Tài sản để căn cứ cho vay vốn là bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 697094, số vào sổ cấp GCN: CS 01720 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/09/2018; Thửa số 1369; tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 3130,7 m^2; Đất ở tại nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 2980,7 m^2; tọa lạc tại: Ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 28/11/2018 Ngân hàng giải ngân và ông H nhận nợ số tiền giải ngân là 50.000.000đồng và hạn trả nợ là ngày 28/11/2023. Thực hiện hợp đồng ông H chỉ trả được cho Ngân hàng 300.000đồng nợ gốc, tính đến 16/02/2022 ông Nguyễn Văn H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 66.008.932đồng, trong đó nợ gốc 49.700.000đồng và nợ lãi là 16.308.932đồng. Mặc dù Ngân hàng đã áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng ông H vẫn không thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Triệu Thị Mỹ H phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 16/02/2022 là 66.008.932đồng, bao gồm nợ gốc: 49.700.000 đồng, nợ lãi 16.308.932đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông H, bà H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Đối với tài sản dùng để vay vốn là bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 697094, số vào sổ cấp GCN: CS 01720 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/09/2018; Thửa số 1369; tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 3130,7 m^2; Đất ở tại nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 2980,7 m^2; tọa lạc tại: Ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do các bên không có thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nên Ngân hàng không yêu cầu xử lý và thống nhất sẽ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H khi ông H và bà H trả tất toán hết số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Mỹ H trình bày:* Thống nhất theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc chồng bà là ông Nguyễn Văn H có trực tiếp đứng ra ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000đồng, mục đích vay: Chi phí sản xuất kinh doanh đời sống. Khi vay tiền không có dùng tài sản bảo đảm, tuy nhiên ông H có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 697094, số vào sổ cấp GCN: CS 01720 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/09/2018; Thửa số 1369; tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 3130,7 m^2; đất ở tại nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 2980,7 m^2; tọa lạc tại: Ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn H đứng tên để đảm bảo điều kiện vay vốn, hiện nay Ngân hàng đang quản lý. Thực hiện hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng đã giải ngân, ông H đã nhận đủ tiền là 50.000.000 đồng tuy nhiên đến nay gia đình bà vẫn chưa trả hết số nợ gốc này, cụ thể tính đến ngày 16/02/2022 ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 66.008.932đồng, bao gồm nợ gốc: 49.700.000 đồng, nợ lãi 16.308.932 đồng đúng như đại diện Ngân hàng trình bày vì khi Ngân hàng thông báo nợ quá hạn bà là người trực tiếp làm việc với Ngân hàng. Do đây là khoản nợ

chung của vợ chồng nên bà đồng ý bà và ông H cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ trên, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn chưa có khả năng trả nợ, khi nào bà và ông H có điều kiện sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đủ số tiền gốc và lãi phát sinh. Ngoài ra bà cũng thống nhất với ý kiến của Ngân hàng khi bà và ông H trả hết nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng sẽ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 697094, số vào sổ cấp GCN: CS 01720 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/09/2018; Thửa số 1369; tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 3130,7 m^2; đất ở tại nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 2980,7 m^2; tọa lạc tại: Ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn H đứng tên.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:* Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Triệu Thị Mỹ H phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 16/02/2022 là 66.008.932đồng, bao gồm nợ gốc: 49.700.000 đồng, nợ lãi 16.308.932đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông H, bà H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 697094, số vào sổ cấp GCN: CS 01720 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/09/2018; Thửa số 1369; tờ bản đồ số: 03; diện tích thửa đất: 3130,7 m^2; đất ở tại nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 2980,7m^2; tọa lạc tại: Ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn H đứng tên khi ông H và bà H trả hết nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ông Nguyễn Văn H, nhưng ông H không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Mỹ H cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 49.700.000đồng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án Hợp đồng tín dụng số 365055840/HĐTD ngày 28/11/2018 xác định bên cho vay (Bên A) là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch Đại Ngãi và bên vay (Bên B) là ông Nguyễn Văn H, tại mục bên B trong hợp đồng có chữ ký tên Nguyễn Văn H và các giấy tờ khác có liên quan xác định ngày 28/11/2018 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000đồng và ông H đã nhận đủ số tiền này theo giấy nhận nợ số: 01/365055840/HĐTD ngày 28/11/2018, đồng thời tại biên bản làm việc ngày 30/9/2020 giữa Ngân hàng và bên vay có đại diện là bà Triệu Thị Mỹ H là vợ ông H thống nhất cam kết đến ngày 22/9/2020 sẽ trả hoàn tất nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn H là trên cở sở hai bên hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H nhưng ông không có ý kiến phản đối gì xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên đủ cở sở để Hội đồng xét xử khẳng định ông H có thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng số tiền vay gốc là 50.000.000đồng đã trả được 300.000đồng là có thật. Mặc dù ông H là người trực tiếp đứng tên người vay nhưng bà Triệu Thị Mỹ H là vợ ông H, là thành viên của hộ, việc ông H vay vốn của Ngân hàng nhằm mục đích phát triển kinh tế và phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình; bà H cũng xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng vì vậy, bà H phải cùng với ông H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị Mỹ H phải cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 49.700.000đồng cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc ông H và bà H cùng có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 16/02/2022 là 16.308.932đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 365055840/HĐTD ngày 28/11/2018 của ông Nguyễn Văn H với Ngân hàng xác định lãi suất thỏa thuận của các bên khi cho vay trong hạn là 11%/năm, lãi suất nợ

quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc khác, theo bảng kê tính lãi của ông Nguyễn Văn H đến ngày 16/02/2022 do nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay đến nay bị đơn không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng, số tiền lãi còn nợ là 16.308.932đồng. Do vậy, việc ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, ông H là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông H và bà H phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 16.308.932đồng và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nêu rõ nội dung áp dụng án lệ về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên, ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị Mỹ H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 16/02/2022 là 66.008.932đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm lẻ tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc 49.700.000đồng (Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng), tiền lãi 16.308.932đồng (Mười sáu triệu ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Kể từ ngày 17/02/2022, ông H và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H, bà H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5]. Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 697094, số vào sổ cấp GCN: CS 01720 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/09/2018; Thửa số 1369; tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 3130,7 m^2; Đất ở tại nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 2980,7 m^2; tọa lạc tại: Ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn H đứng tên mà ông H đã giao cho Ngân hàng quản lý để đảm bảo điều kiện vay vốn, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thống nhất sẽ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H khi ông H và bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả hết nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị Mỹ H phải chịu 3.300.447đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị Mỹ H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam dư nợ tính đến ngày 16/02/2022 với số tiền vay gốc là 49.700.000đồng (Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng), tiền lãi là 16.308.932đồng (Mười sáu triệu ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng), tổng cộng là 66.008.932đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm lẻ tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam giao trả lại cho ông Nguyễn Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 697094, số vào sổ cấp GCN: CS 01720 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/09/2018; Thửa số 1369; tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 3130,7 m^2; Đất ở tại nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 2980,7 m^2; tọa lạc tại: Ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn H đứng tên khi ông H và bà H trả hết nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị Mỹ H phải cùng có nghĩa vụ chịu 3.300.447đồng (Ba triệu ba trăm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo